TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2023/HC-PT
Ngày: 21/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;

Bà Đặng Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 437/2022/TLHC-PT ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất". Do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 76/2022/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1119/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 2 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Bà Vũ Thị N, sinh năm 1957; Địa chỉ: thôn Phố M, xã Tân D, huyện Thủy N1, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977; Địa chỉ: thôn 6, Phố M, xã Tân D, huyện Thủy N1, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Ông Nguyễn Khánh T, Luật sư Công ty Luật TNHH Chính Tín - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T1, Luật sư Công ty Luật TNHH Quốc tế Nam Thái - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Ông Hoàng Danh T2, Luật sư Công ty Luật TNHH PSS Lawyear – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

**** Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải P;

- Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T3 – Chủ tịch; Vắng mặt.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh Q – Phó Chủ tịch; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 18 phố Hoàng D1, phường Minh K, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thủy N1, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Văn H1 – Phó Chủ tịch; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Số 5 đường Đà N2, thị trấn Núi Đ, huyện Thủy N1, thành phố Hải Phòng;

3. Ủy ban nhân dân huyện Thủy N1, thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 5 đường Đà N2, thị trấn Núi Đ, huyện Thủy N1, thành phố Hải Phòng;

- *Đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Văn H1 – Phó Chủ tịch; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Hải P*:

1. Ông Phạm Văn T4 - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn V - Phó Chủ tịch UBND huyện Thủy N1, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Duy G – Trưởng phòng phòng Quản lý, xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi thi hành pháp luật, Sở Tư pháp; Vắng mặt.

4. Ông Trần Đức H2 - Trưởng phòng Quản lý, xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật - Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND huyện Thủy N1*:

1. Ông Bùi Trung M1 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Thủy N1; Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H3 - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất Thủy Nguyên; Vắng mặt.

3. Ông Trần Anh T5 - Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh Thủy Nguyên; Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Trọng T6 - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thủy N1; Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Đức H4 - Viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thủy N1; Vắng mặt.

6. Ông Đào Văn T7, Phó Chủ tịch xã Tân D, huyện Thủy N1, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất UBND huyện Thủy N1, thành phố Hải Phòng; Địa chỉ: Số 5 đường Đà N2, thị trấn Núi Đ, huyện Thủy N1, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn H5, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn 5, xã Tân D, huyện Thủy N1, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- *Đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn H5*: Bà Vũ Thị Sau, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 67 đường Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

3. Chị Phạm Thị Hồng H6, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 5, xã Tân D, huyện Thủy N1, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- *Đại diện theo uỷ quyền của chị Phạm Thị Hồng H6*: Ông Vũ Điều T8, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 8, xã Minh T9, huyện Thuỷ N1, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Phạm Văn H5 và chị Phạm Thị Hồng H6*: Ông Nguyễn Khánh T và bà Lưu Thị Hằng H7 - Luật sư Công ty Luật TNHH Chính Tín, thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; (Luật sư Toàn có mặt, Luật sư Hoa có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Người khởi kiện bà Vũ Thị N trình bày và yêu cầu:

Gia đình bà N là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 213, tờ bản đồ số 3, diện tích 100m² tại Thôn 5, xã Tân D, huyện Thuỷ N1, thành phố Hải Phòng (Thửa đất số 187, tờ bản đồ số 6 theo Mảnh trích đo địa chính TĐ14-2017 tỷ lệ 1/1000 do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 11/4/2017). Nguồn gốc đất trên là do bà N mua của bà Hoàng Thị L từ năm 2002, đóng thuế đất đầy đủ từ năm 2003, đã xây dựng nhà trên đất và sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Đến năm 2009, bà N đã chuyển nhượng cho con trai là Phạm Văn H5 và con gái là Phạm Thị Hồng H6 toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất. Thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc Sông Cấm tại xã Tân D, UBND huyện Thuỷ N1 đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 4381/QĐ-UBND ngày 10/7/2020, thu hồi diện tích 90,7m² đất do UBND xã Tân D quản lý, do hộ bà Vũ Thị N thường trú tại thôn Phố M, xã Tân D, huyện Thuỷ N1, thành phố Hải Phòng sử dụng để thực hiện dự án. Việc UBND huyện Thuỷ N1 ban hành Quyết định thu hồi đất số 4381 đã vi phạm quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất. Vì vậy, bà N đã nộp đơn khiếu nại Quyết định thu hồi đất số 4381 đến Chủ tịch UBND huyện Thuỷ N1 02 lần, vào các ngày 05/10/2020 và 18/11/2020 nhưng không được giải quyết. Ngày 11/01/2021, bà N buộc phải gửi đơn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND thành phố Hải P, cũng không nhận được văn bản trả lời khiếu nại. Ngày 27/7/2020, bà N nhận được phương án bồi thường, hỗ trợ số 16/PA-TCT ngày 10/7/2020. Ngày 11/01/2021, bà N tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Thuỷ N1. Đến ngày 06/9/2021, Chủ tịch UBND

huyện Thuỷ N1 đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 6288/QĐ-UBND, đối với đơn khiếu nại của bà N. Nội dung quyết định không chấp nhận khiếu nại của bà N. Không đồng ý với nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Thuỷ N1, bà N có đơn khiếu nại lần 2 gửi Chủ tịch UBND thành phố Hải P. Ngày 11/3/2022, Chủ tịch UBND thành phố Hải P đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 762/QĐ-UBND, theo đó, giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu. Bà N cho rằng, việc UBND huyện Thuỷ N1 ban hành các Quyết định thu hồi đất, Phương án bồi thường hỗ trợ; Chủ tịch UBND huyện Thuỷ N1, Chủ tịch UBND thành phố Hải P ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại là không thoả đáng bởi các lý do sau:

Thứ nhất, đất bà N mua của bà Hoàng Thị L, nộp thuế đất từ năm 2003 đến năm 2009 có hoá đơn thu thuế đất là 100m², thực tế sử dụng là 130m² nhưng Quyết định thu hồi và phương án bồi thường lại ghi là 90,7m²; Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Thuỷ N1 lại ghi là 70,9m². Bà Hoàng Thị L sử dụng đất từ năm 2000, nộp thuế đất từ năm 2003, nhưng UBND huyện Thuỷ N1 lại cho rằng năm 2004 bà Loan mới sử dụng là không đúng.

Thứ hai, thực tế bà N đã chuyển nhượng cho con trai là Phạm Văn H5 và con gái là Phạm Thị Hồng H6 toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất. Toàn bộ nhà và đất của gia đình được hỗ trợ 132.000.000đồng, tái định cư không được xét duyệt với lý do bà Vũ Thị N đã có nhà khác trên địa bàn xã Tân D nên không được xét là không thoả đáng, vì bà N đã chuyển nhượng lại toàn bộ đất và tài sản trên đất cho 02 con là H5, H6. UBND huyện Thuỷ N1 đã xác định sai đối tượng sử dụng đất, nên phải xem xét cấp đất tái định cư cho anh H5, chị H6 mới đúng.

Thứ ba, UBND huyện Thuỷ N1 khi ban hành Quyết định thu hồi đất, thì chưa thực hiện việc treo công khai bản đồ quy hoạch 1/500 của dự án, không công khai biên bản bàn giao mốc giới của dự án, không tổ chức triển khai việc cắm mốc giải phóng mặt bằng trên thực địa. Do đó, gia đình không thể xác định được diện tích đất bị thu hồi của mình có thuộc phạm vi dự án không.

Thứ tư, Dự án Bắc Sông Cấm do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/6/2016, di chuyển cả cộng đồng dân cư rộng lớn, nên việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thực hiện dự án này phải tuân thủ theo quy định tại Điều 17 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Theo quy định tại Nghị định 47, việc bồi thường, tái định cư đối với dự án này phải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, căn cứ vào khung chính sách đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định thì cấp Bộ, ngành và UBND cấp tỉnh mới được tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư với dự án. Trong quá trình triển khai việc thu hồi đất

và lập phương án bồi thường, UBND huyện Thuỷ N1 và UBND thành phố Hải P không đưa ra được căn cứ nào, thể hiện việc Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt khung chính sách đối với dự án này. Như vậy, có thể khẳng định UBND thành phố Hải P, UBND huyện Thuỷ N1 đã sai phạm về thẩm quyền khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện dự án Bắc Sông Cấm.

Thứ năm, có sự chồng chéo giữa các dự án có sử dụng đất bị thu hồi được triển khai đồng thời mà không rạch ròi, rõ ràng giữa các dự án.

Thứ sáu, mâu thuẫn giữa chấp thuận chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định 1331 với Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND thành phố Hải P về diện tích, quy mô dự án mà không được làm rõ.

Bà Vũ Thị N khởi kiện đề nghị Tòa án hủy các quyết định: Hủy Quyết định thu hồi đất số 4381/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND huyện Thủy N1; Hủy Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đai, cây cối hoa màu, vật chất kiến trúc trên đất khi nhà nước thu hồi, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc Sông Cấm tại xã Tân D, huyện Thủy N1 (Khu đầm Tân Hoa, thôn 5) số 16/PA-TCT được ban hành kèm theo Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND huyện Thủy N1; Hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 9816/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thủy N1; Hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu số 6288/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thủy N1; Hủy Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải P về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị N (lần 2).

2. Quan điểm của Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch UBND thành phố Hải P trình bày:

Ngày 06/9/2021, Chủ tịch UBND huyện Thuỷ N1 ban hành Quyết định số 6288/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với bà Vũ Thị N, nội dung giữ nguyên Quyết định số 4381/QĐ-UBND ngày 10/7/2020, về việc thu hồi đất và Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 10/7/2020, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện Thuỷ N1. Ngày 11/3/2022, Chủ tịch UBND thành phố Hải P ban hành Quyết định số 762/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị N (lần 2). Theo đó, xác minh kết luận:

- Nguồn gốc đất của bà Vũ Thị N do UBND xã Tân D quản lý, theo dõi trên Sổ mục kê, Bản đồ giải thửa và được sử dụng cho Tổ đầm thuê nuôi trồng thuỷ sản, thuộc trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100, 101 Luật Đất đai năm 2013, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, không được bồi thường về đất.

- Về thời điểm sử dụng đất vào mục đích ở: Căn cứ Biên bản xử lý vi phạm hành chính năm 2010 và quy định tại điểm b, d, h khoản 1, khoản 3 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; UBND huyện

Thuỷ N1 xác định thời điểm vi phạm sử dụng đất của hộ gia đình bà N năm 2008 là đúng quy định của pháp luật.

- Diện tích 90,7m² đất thu hồi của hộ bà N đã được UBND huyện Thuỷ N1 xác định theo thực tế sử dụng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Về việc xét giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất ổn định cuộc sống: Diện tích đất thu hồi của gia đình bà N thuộc trường hợp không đủ điều kiện để bồi thường về đất, nên không đủ điều kiện được giao đất tái định cư theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai 2013. Hộ bà Vũ Thị N có 01 nhà ở thuộc thôn Phố M, xã Tân D nên hộ bà Vũ Thị N không đủ điều kiện để xét giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật đất đai năm 2013.

- Quyết định số 4394 ngày 10/7/2020 của UBND huyện Thủy N1, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Vũ Thị N đã được xem xét, tính hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của thành phố tại Văn bản số 4515/UBND-ĐC ngày 26/7/2019 của UBND thành phố, về việc áp dụng biện pháp hỗ trợ khác khi thu hồi đất thực hiện dự án.

- Việc cung cấp, công khai quy hoạch chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan đến việc triển khai thực hiện Dự án Bắc sông Cấm đã được các cơ quan có thẩm quyền thực hiện đúng theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và chỉ đạo của UBND thành phố Hải P.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ quy định của pháp luật đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của bà Vũ Thị N.

2.2. Chủ tịch và UBND huyện Thủy N1 thống nhất trình bày:

- Đối với yêu cầu của bà N buộc UBND huyện Thuỷ N1 huỷ bỏ Quyết định số 4381/QĐ-UBND ngày 10/7/2020, Phương án số 16/PA-TCT ban hành kèm theo Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 về phương án bồi thường, hỗ trợ. Khi ban hành các quyết định nêu trên, UBND huyện Thuỷ N1 đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục. Cụ thể:

+ Về thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 28 Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố Hải P thì UBND huyện Thuỷ N1 ban hành các Quyết định nêu trên là đúng thẩm quyền.

+ Về trình tự, thủ tục thu hồi đất: Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/6/2016. Ngày 16/8/2016, UBND thành phố ban hành Quyết định số 1677/QĐ-UBND, về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm. Ngày 15/9/2016, UBND thành phố ban hành Quyết định số 2008/QĐ-UBND, về

việc phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm. Ngày 16/3/2018, UBND thành phố ban hành Quyết định số 560/QĐ-UBND, về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm. Ngày 17/4/2017, UBND huyện Thủy N1 ban hành Thông báo số 113/TB-UBND, về việc thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc Sông Cấm tại các xã: Tân D, Dương Quan, Hoa Động, huyện Thủy N1, thành phố Hải Phòng. Ngày 24/11/2017, UBND huyện đã họp dân, triển khai Thông báo thu hồi đất và công tác kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án; bàn giao Thông báo thu hồi đất, bàn giao Bản tự kê khai đất, tài sản trên đất đến các hộ dân thuộc chỉ giới thu hồi. Ngày 11/6/2018, Tổ công tác Giải phóng mặt bằng huyện Thủy N1 tiến hành kiểm kê đất đai, cây cối hoa màu, vật kiến trúc trên đất thu hồi của hộ bà Vũ Thị N, sau đó lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Vũ Thị N. Ngày 12/9/2019, Tổ công tác Giải phóng mặt bằng Dự án tiến hành niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Tân D, thông báo trên hệ thống loa truyền thanh xã và bàn giao trực tiếp đến các hộ gia đình, cá nhân thuộc diện thu hồi đất gồm: Phương án dự thảo chi tiết và phương án dự thảo tổng hợp về bồi thường, hỗ trợ đất đai, cây cối, hoa màu, vật kiến trúc; trích lục nguồn gốc đất đai; Phiếu tham gia ý kiến (nếu có); danh sách xác định thời điểm sử dụng đất của các hộ dân có đất thu hồi; các văn bản pháp lý có liên quan. Ngày 02/10/2019, Tổ công tác Giải phóng mặt bằng Dự án lập biên bản kết thúc việc công khai và tổng hợp kiến nghị của các hộ dân liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, thu hồi đất để kiểm tra, giải quyết. Ngày 10/7/2020, UBND huyện Thủy N1 ban hành Quyết định số 4381/QĐ-UBND thu hồi diện tích 90,7m^2 đất do UBND xã Tân D quản lý, hộ bà Vũ Thị N sử dụng tại thửa số 187, tờ bản đồ số 06, thôn 5, xã Tân D để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc Sông Cấm. Ngày 10/7/2020, UBND huyện ban hành Quyết định số 4394/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất kèm theo phương án số 16/PA-TCT đối với hộ bà Vũ Thị N. Ngày 13/7/2020, Tổ công tác Giải phóng mặt bằng Dự án tiến hành niêm yết công khai Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Phương án đi kèm tại trụ sở UBND xã Tân D, thông báo trên hệ thống loa truyền thanh xã và bàn giao trực tiếp đến các hộ gia đình, cá nhân thuộc diện thu hồi đất. Sau khi phê duyệt UBND huyện Thủy N1 đã mời hộ gia đình nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng thực hiện Dự án. Tuy nhiên hộ gia đình bà Vũ Thị N vẫn chưa đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng. Như vậy, việc công khai thực hiện Dự án được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND thành phố Hải P.

+ Về nguồn gốc, diện tích đất thu hồi và quá trình sử dụng đất: Căn cứ vào hồ sơ thu hồi đất thể hiện bà Vũ Thị N sử dụng 90,7m^2 đất tại thửa số 213, tờ bản đồ số 03, có nguồn gốc là đất nuôi trồng thuỷ sản đầm Tân Hoa. Năm 2004, bà Hoàng Thị Kim L sử dụng, đến năm 2008, bà Hoàng Thị Kim L tự ý chuyển nhượng cho bà Vũ Thị N sử dụng, việc chuyển nhượng có giấy viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngày 19/01/2010, UBND xã Tân D đã lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành Quyết định số 09/QĐ-XPHC, về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Vũ Thị N về hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất nuôi trồng thuỷ sản tại đầm Tân Hoa. Ngày 03/02/2010, UBND xã Tân D ban hành Quyết định số 31/QĐ-UBND, về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai đối với hộ bà Vũ Thị N. Bà N đã nộp tiền phạt vào ngân sách xã, nhưng không thực hiện việc tháo dỡ hiện trạng công trình xây dựng trái phép. Như vậy, bà Vũ Thị N sử dụng đất có nguồn gốc là đất nuôi trồng thuỷ sản đầm Tân Hoa từ năm 2008, Chủ tịch UBND xã Tân D đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đa, nên không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

+ Về việc bồi thường, hỗ trợ, thu hồi đất: Hộ bà Vũ Thị N được hỗ trợ về đất bằng 10% đơn giá đất đoạn từ Tỉnh lộ 359 rẽ xuống Hải Đội 4 đến Miếu Cống Hà. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ đất đai và vật kiến trúc trên đất đã phê duyệt hỗ trợ cho hộ bà Vũ Thị N là 132.976.094 đồng.

Việc UBND huyện Thủy N1 ban hành Quyết định số 4381 và Phương án số 16/PA-TCT ban hành kèm theo Quyết định số 4394 đã được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013. Do đó, bà N yêu cầu huỷ các quyết định này là không có cơ sở.

Quá trình thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất, UBND huyện Thuỷ N1 đã thông báo chi trả tiền bồi thường, tổ chức đối thoại, trả lời các kiến nghị của hộ bà Vũ Thị N, UBND xã Tân D, các ban ngành đoàn thể của xã Tân D đã tuyên truyền vận động hộ gia đình nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án. Tuy nhiên, hộ gia đình bà Vũ Thị N vẫn không chấp hành quyết định thu hồi đất của UBND huyện Thuỷ N1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 71 Luật đất đai 2013, UBND huyện Thuỷ N1 đã ban hành Quyết định số 9861/QĐ-UBND ngày 09/12/2021, về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ bà Vũ Thị N là đúng quy định.

Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu của bà N về việc huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6288 ngày 06/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thuỷ N1 là không có cơ sở. Đề nghị Toà án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 76/2022/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, đã quyết định:

Căn cứ Điều 7, khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 66, 69, 71, 75 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40, 41 Luật Khiếu nại; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính sau: Quyết định thu hồi đất số 4381/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND huyện Thủy N1. Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đai, cây cối hoa màu, vật chất kiến trúc trên đất khi nhà nước thu hồi, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc Sông Cấm tại xã Tân D, huyện Thủy N1 (Khu đầm Tân Hoa, thôn 5) số 16/PA-TCT được ban hành kèm theo Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND huyện Thủy N1. Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 9816/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thủy N1. Quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu số 6288/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thủy N1. Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải P về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị N (lần 2). Bác yêu cầu của người khởi kiện về việc đề nghị Toà án tuyên hành vi hành chính thu hồi, bồi thường, cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện Thủy N1 trái luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Vũ Thị N, anh Phạm Văn H5, chị Phạm Thị Hồng H6 kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bà Vũ Thị N, anh Phạm Văn H5, chị Phạm Thị Hồng H6 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị giải quyết vụ án đúng pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị: Hủy bản án sơ thẩm và giải quyết lại vụ đúng quy định của pháp luật, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Vũ Thị N, anh Phạm Văn H5, chị Phạm Thị Hồng H6.

Người bị kiện, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và

nghĩa vụ tố tụng của mình; tại phiên tòa các đương sự xin xử vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của bà Vũ Thị N, anh Phạm Văn H5, chị Phạm Thị Hồng H6 và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 76/2022/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; Người bị kiện, một số đương sự trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt theo Điều 255 Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của bà Vũ Thị N, anh Phạm Văn H5, chị Phạm Thị Hồng H6 trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về đối tượng, thời hiệu, thẩm quyền khởi kiện: Ngày 25/10/2021, bà N khởi yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 4381/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND huyện Thuỷ N1; Phương án bồi thường, hỗ trợ số 16/PA-TCT ban hành kèm theo Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện Thuỷ N1; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 9816/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thuỷ N1; Quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu số 6288/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thuỷ N1; Quyết định số 762/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị N (lần 2) ngày 11/3/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hải P; Tại phiên toà sơ thẩm, người khởi kiện bổ sung thêm yêu cầu đề nghị tuyên hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện Thủy N1 đối với hành vi thu hồi đất, bồi thường, cưỡng chế là trái luật. Đây là các quyết định và hành vi hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 22 Luật Đất đai, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính thụ lý, giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ Điều 66, Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai 2013, khoản 2, Điều 28 tại Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố Hải P, UBND huyện Thủy N1 ban hành Quyết định số 4381/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường kèm theo Phương án bồi thường số 16/PA-TCT, Chủ tịch UBND huyện Thuỷ N1 ban

hành Quyết định số 9816/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 về việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng thẩm quyền. Căn cứ Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện Thủy N1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch UBND thành phố Hải P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai là đúng thẩm quyền.

[2.3]. Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định bị kiện:

[2.3.1]. Quyết định số 4381/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường kèm theo Phương án bồi thường số 16/PA-TCT, UBND huyện Thủy N1 đã thực hiện các bước theo đúng quy định: Thông báo thu hồi đất, ban hành Quyết định thu hồi đất, kiểm kê đất đai tài sản có trên đất, lấy ý kiến lập và thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư, ban hành Quyết định phê duyệt và niêm yết công khai phương án bồi thường hỗ trợ. UBND huyện cũng đã thực hiện việc treo công khai bản đồ quy hoạch 1/500 tại trụ sở UBND các xã có đất bị thu hồi. Căn cứ Điều 66, Điều 69 và Điều 75 Luật Đất đai 2013, việc UBND huyện Thủy N1 ban hành các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và các phương án đi kèm đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2.3.2]. Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 9816/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thủy N1: Quá trình thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất, UBND huyện Thuỷ N1 đã thông báo chi trả tiền bồi thường, tổ chức đối thoại, trả lời các kiến nghị của hộ bà Vũ Thị N. Uỷ ban nhân dân xã Tân D, các ban ngành đoàn thể của xã Tân D đã tuyên truyền vận động hộ gia đình để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án. Tuy nhiên hộ bà Vũ Thị N không chấp hành quyết định thu hồi đất của UBND huyện Thuỷ N1. Do đó Chủ tịch UBND huyện Thủy N1 đã tiến hành cưỡng chế thu hồi đất là phù hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 71, Điều 75 Luật đất đai năm 2013.

[2.3.3]. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6288/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thủy N1: Ngày 11/01/2021, bà Vũ Thị N có đơn khiếu nại lần đầu gửi Chủ tịch UBND huyện Thủy N1 về việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, giao đất tái định cư và công khai thông tin dự án đối với gia đình bà. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà N, Chủ tịch UBND huyện Thủy N1 đã ban hành quyết định thành lập tổ xác minh, làm việc với các cá nhân, tổ chức liên quan. Chủ tịch UBND huyện Thủy N1 đã tiến hành kiểm tra, xác minh và tổ chức đối thoại trực tiếp trả lời các nội dung kiến nghị của bà Vũ Thị N, nhưng bà N không đồng ý. Ngày 06/9/2021, Chủ tịch UBND huyện Thủy N1 ban hành Quyết định số 6288/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Vũ Thị N.

[2.3.4]. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 762/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hải P: Ngày 24/9/2021, Chủ tịch UBND thành phố nhận được đơn khiếu nại lần hai của bà Vũ Thị N. Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố đã tiến hành thụ lý và thông báo bằng văn bản cho bà Vũ Thị N biết, đồng thời ban hành Quyết định giao nhiệm vụ xác minh làm rõ nội dung khiếu nại cho Thanh tra thành phố. Ngày 05/10/2021, Thanh tra thành phố đã ban hành Quyết định về việc xác minh nội dung khiếu nại, thành lập đoàn xác minh khiếu nại. Ngày 13/12/2021, Thanh tra thành phố trình Chủ tịch UBND thành phố báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 30/12/2021, Chủ tịch UBND thành phố có văn bản số 10193/UBND-TCD giao Chánh thanh tra thành phố tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại. Căn cứ báo cáo của Thanh tra thành phố và kết quả đối thoại, ngày 11/3/2022, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 762/QĐ-UBND. Như vậy, Chủ tịch UBND huyện Thủy N1 và Chủ tịch UBND thành phố Hải P đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng pháp luật.

[2.4]. Việc công khai bản đồ quy hoạch và xác định thửa đất thu hồi nằm trong Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc Sông Cấm: Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 về phê duyệt quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm, ban hành Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của UBND thành phố Hải P thay thế Quyết định số 1677/QĐ-UBND. Triển khai Dự án, UBND huyện Thủy N1 đã phối hợp với các cơ quan truyền thông công khai, tuyên truyền, tổ chức hội nghị đối thoại, tiếp công dân, trả lời công khai các kiến nghị của nhân dân về quy hoạch, mốc giới thu hồi đất thực hiện Dự án trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết bản đồ quy hoạch cũng như các văn bản có liên quan tại trụ sở UBND các địa phương, các khu dân cư nơi có đất thu hồi theo đúng quy định. Theo Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của UBND thành phố Hải P, Bản đồ quy hoạch và Mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hải Phòng lập, được Sở tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 11/4/2017, thửa đất số 213, tờ bản đồ số 3 bà N đang sử dụng nằm hoàn toàn trong chỉ giới thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc Sông Cấm, đúng với quy hoạch. Việc bà N cho rằng UBND huyện Thủy N1 chưa thực hiện việc công khai toàn bộ thông tin quy hoạch của dự án cùng các quy định liên quan đến nghĩa vụ cung cấp thông tin quy hoạch, thông tin thu hồi đất là không có căn cứ.

[2.5]. Việc chồng chéo nhiều dự án khác nhau trên cùng thửa đất bị thu hồi: Căn cứ lời khai của người khởi kiện, người bị kiện và các tài liệu chứng cứ do người khởi kiện, người bị kiện cung cấp, tại diện tích đất bị thu hồi gia đình

bà N đang sử dụng hiện nay chỉ có dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc Sông Cấm, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Do đó, người khởi kiện cho rằng việc thửa đất bị thu hồi của gia đình có nhiều dự án chồng chéo khác nhau là không có căn cứ.

[2.6]. Về căn cứ ban hành quyết định:

[2.6.1]. Về nguồn gốc đất thu hồi: Người khởi kiện trình bày nguồn gốc đất thu hồi 90,7m² là do bà N mua của bà Hoàng Thị L từ năm 2002, đóng thuế đất đầy đủ từ năm 2003, đã xây dựng nhà trên đất và sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai từ trước đến nay. Đến năm 2009, bà N đã chuyển nhượng cho con trai là Phạm Văn H5 và con gái là Phạm Thị Hồng H6 toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất. UBND huyện Thuỷ N1 xác định: Tại sổ mục kê lập năm 1985, bản đồ giải thửa 299 của UBND xã Tân D xác định diện tích đất thu hồi của hộ bà N là một phần trong tổng diện tích 236.620m² thuộc thửa đất số 213, ghi tên chủ sử dụng là HTX (Hợp tác xã), tại đầm Tân Hoa, loại đất ghi "Đ" (Đầm). Ngày 19/4/1994, UBND xã Tân D ký hợp đồng với ông Lê Văn N3 cùng 05 thành viên khác sử dụng diện tích 56.000m² để nuôi trồng thuỷ sản, thời hạn sử dụng 50 năm. Do buông lỏng công tác quản lý đã để một số hộ dân lấn chiếm sử dụng đất không đúng mục đích, mua bán trái phép. Hơn nữa, việc UBND xã cho ông Nghị thuê đất thời hạn 50 năm là không đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 126 Luật Đất đai 2013. Ngày 09/01/2010, UBND xã Tân D đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09/QĐ-UBND, về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Vũ Thị N về hành vi lấn chiếm đất. Diện tích đất bà N đang sử dụng là đất do bà Hoàng Thị Kim L tự ý sử dụng sau đó chuyển nhượng cho bà N (đến năm 2009 hoàn tất việc chuyển nhượng). Như vậy, nguồn gốc đất hộ gia đình bà N đang sử dụng là đất nông nghiệp nuôi trồng thuỷ sản do UBND xã quản lý; các hộ dân tự ý sử dụng, chuyển nhượng trái pháp luật.

[2.6.2]. Về diện tích đất thu hồi: Giấy chuyển nhượng nhà đất viết tay giữa bà Hoàng Thị Kim L và bà Vũ Thị N là 100m²; Biên lai thu thuế nhà đất là 100m²; Báo cáo tổ công tác của Huyện uỷ là 127,8m²; Biên bản kiểm kê 90,7m² có sự không thống nhất trong diện tích sử dụng đất của hộ gia đình bà N. Quyết định số 6288/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thủy N1, về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị N (lần đầu) thì diện tích thu hồi đất của bà Vũ Thị N là 70,9m². Tuy nhiên, UBND huyện Thuỷ N1 đã kiểm tra, rà soát và đính chính tại Thông báo số 552/TB-UBND ngày 12/10/2021, diện tích đất thu hồi được đính chính là 90,7m². Tại mảnh trích đo địa chính hệ toạ độ VN-2000, khu đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Bắc Sông Cấm (giai đoạn 2) do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng hoàn tất tháng 11/2016, được UBND xã Tân D xác nhận và Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 11/4/2017, theo đó xác định diện tích đất thửa số 187 (thửa đất bà N sử dụng) là 90,7m². Đến thời điểm kiểm kê, thu hồi đất năm 2019

thửa đất không có thay đổi. Như vậy, UBND huyện Thuỷ N1 xác định diện tích đất theo thực tế sử dụng của hộ bà N là 90,7m² khi thu hồi đất thực hiện Dự án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.6.3]. Về thời điểm bắt đầu sử dụng đất: Tại Kết luận số 01-KL/TCT ngày 26/4/2012 của Tổ công tác Huyện ủy Thủy N1 kết luận thẩm tra xác minh những vấn đề liên quan đến công tác quản lý, sử dụng đất đai tại xã Tân D đã kết luận hộ bà N là một trong những hộ vi phạm xây dựng nhà ở. Hộ gia đình bà Vũ Thị N được xác định là nhận chuyển nhượng của bà Hoàng Thị Kim L năm 2008, xây dựng nhà ở vào thời điểm giữa năm 2008, diện tích xây dựng nhà 59,4m². Ngày 09/01/2010, UBND xã Tân D đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09/QĐ-UBND, xử phạt vi phạm hành chính đối với bà N về hành vi lấn chiếm đất. Căn cứ điểm b, đ, h khoản 2, khoản 3 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, xác định thời điểm sử dụng đất vào mục đích ở đối với diện tích đất thu hồi xác định tại thời điểm năm 2008 (Thời điểm xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm: Xây dựng nhà trên đất nông nghiệp lấn chiếm, tự sử dụng).

[2.6.4]. Về phương án bồi thường hỗ trợ: Theo quy định tại mục 3 Công văn số 4515 ngày 26/7/2019, đối với trường hợp gia đình bà N thuộc trường hợp các hộ dân sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở từ ngày 01/4/2004 đến trước ngày 01/7/2014 mà không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ như sau: Về đất bằng 10% giá đất ở cụ thể cùng vị trí với diện tích không quá 200m^2; Vật kiến trúc bằng 30% mức giá theo Quyết định số 324 ngày 05/02/2015 của UBND thành phố Hải P. Do vậy, UBND huyện Thủy N1 căn cứ mức hỗ trợ theo hướng dẫn tại Công văn số 4515, để ban hành Phương án bồi thường số 16 kèm theo Quyết định số 4394 ngày 10/7/2020 đối với hộ gia đình bà Vũ Thị N là phù hợp pháp luật.

[2.6.5]. Việc bố trí tái định cư: Diện tích đất thu hồi của gia đình bà N có nguồn gốc là đất nuôi trồng thuỷ sản do Hợp tác xã quản lý, nên không đủ điều kiện để bồi thường về đất. Do đó, không được xét giao đất tái định cư theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ sổ hộ khẩu bà Vũ Thị N cung cấp và báo cáo của UBND xã Tân D, hộ bà Vũ Thị N có 01 nhà ở khác đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thôn Phố M, xã Tân D nên cũng không đủ điều kiện để xét giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai 2013. Việc bà N tự ý chuyển nhượng lại cho hai con là anh Phạm Văn H5 và chị Phạm Thị Hồng H6 (bằng giấy viết tay không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, người khởi kiện đề nghị xem xét bố trí tái định cư cho anh H5, chị H6 là không có cơ sở.

[2.6.6]. Việc cưỡng chế thu hồi đất: Sau khi ban hành và giao Quyết định thu hồi đất cho bà Vũ Thị N, UBND huyện Thủy N1 đã phối hợp cùng UBND Tân D, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tân D nhiều lần vận động, thuyết phục và tổ chức hội nghị đối thoại để bà N bàn giao mặt bằng cho Nhà nước thực hiện Dự án, nhưng bà N không chấp hành. Do đó Chủ tịch UBND huyện Thủy N1 đã ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình bà N là đúng quy định.

[2.6.7]. Việc giải quyết khiếu nại: Không đồng ý với Quyết định thu hồi đất, Phương án bồi thường, hỗ trợ và Quyết định cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện Thủy N1, bà N gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Thủy N1. Sau khi xem xét và tiến hành xác minh, xét thấy các yêu cầu khiếu nại của bà N không có căn cứ, nên Chủ tịch UBND huyện Thủy N1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà N là đúng quy định. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, bà N tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần 2 lên Chủ tịch UBND thành phố Hải P. Sau khi tiến hành xác minh nội dung đơn khiếu nại, xét thấy việc giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND huyện Thủy N1 có căn cứ, nên Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Thủy N1 là phù hợp.

[2.6.8]. Yêu cầu tuyên hành vi thu hồi, bồi thường, cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện Thủy N1 là trái luật, sai đối tượng: Việc thu hồi đất và bồi thường về đất của UBND huyện Thuỷ N1 đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định thu hồi đất, mặc dù đã được UBND huyện Thủy N1, UBND Tân D, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tân D nhiều lần vận động, thuyết phục nhưng gia đình bà N không tự nguyện bàn giao đất. Chủ tịch UBND huyện Thủy N1 căn cứ Điều 71 ban hành Quyết định và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của người khởi kiện.

[2.7]. Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm hoàn toàn đồng tình và thống nhất với những nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định: Quyết định thu hồi đất số 4381/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND huyện Thủy N1; Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đai, cây cối hoa màu, vật chất kiến trúc trên đất khi nhà nước thu hồi, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc Sông Cấm tại xã Tân D, huyện Thủy N1 (Khu đầm Tân Hoa, thôn 5) số 16/PA-TCT được ban hành kèm theo Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND huyện Thủy N1; Quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu số 6288/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thủy N1; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 9816/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thủy N1; Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban

nhân dân thành phố Hải P về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị N (lần 2) đã được ban hành đúng quy định pháp luật về cả thẩm quyền, trình tự thủ tục và nội dung. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bà N, anh H5, chị H6: Tại cấp phúc thẩm, bà Vũ Thị N, anh Phạm Văn H5, chị Phạm Thị Hồng H6 không cung cấp chứng cứ mới nào khác cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, kháng cáo bà Vũ Thị N, anh Phạm Văn H5, chị Phạm Thị Hồng H6 không có căn cứ, cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Quan điểm của các Luật sư tại phiên tòa: Xét thấy, các đề nghị của Luật sư là không có căn cứ, không được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[5]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bà Vũ Thị N trên 60 tuổi có đơn xin miễn án phí, nên cấp phúc thẩm miễn án phí phúc thẩm theo quy định. Anh Phạm Văn H5, chị Phạm Thị Hồng H6 phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác kháng cáo của bà Vũ Thị N, anh Phạm Văn H5, chị Phạm Thị Hồng H6.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 76/2022/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

3. Án phí phúc thẩm:

Bà Vũ Thị N không phải nộp án phí phúc thẩm.

Anh Phạm Văn H5 và chị Phạm Thị Hồng H6 mỗi người phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm hành chính. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh Phạm Văn H5 và chị Phạm Thị Hồng H6 đã nộp tại các Biên lai thu số 0000572 ngày 29/9/2022 và số 0000573 ngày 29/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. *(đã nộp đủ).*

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu luật pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các Đương sự;
- Lưu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Lực